

HOA KỲ VỚI SỰ SỤP ĐỔ CHẾ ĐỘ NGÔ ĐÌNH DIỆM (11-1963)

Trần Nam Tiến⁽¹⁾

(1) Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (VNU-HCM)

Ngày nhận bài 2/4/2019; Ngày gửi phản biện 20/4/2019; Chấp nhận đăng 28/6/2019

Liên hệ: tranntien@gmail.com

Tóm tắt

Trong năm 1963, phong trào đấu tranh của Phật giáo cùng nhiều tầng lớp nhân dân chống chính quyền Ngô Đình Diệm dâng cao ở miền Nam Việt Nam. Bên cạnh đó, cuộc khủng hoảng trong nội bộ chính quyền Sài Gòn cũng dâng lên đỉnh điểm với sự bất mãn của một bộ phận tướng lĩnh chủ chốt trong quân đội Sài Gòn. Lúc này, quan hệ Hoa Kỳ với chính quyền Ngô Đình Diệm cũng bắt đầu rạn nứt bởi những bất đồng về những vấn đề chính trị ở miền Nam Việt Nam. Trong khi đó, chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn không đáp ứng được những đề xuất cải cách từ phía Hoa Kỳ. Trước áp lực của dư luận quốc tế, cũng như trong nội bộ nước Mỹ, Tổng thống Kennedy và các quan chức dưới quyền đã quyết định “bật đèn xanh” để tiến hành đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm vào ngày 1-11-1963. Bài viết tập trung làm rõ vai trò của Hoa Kỳ đối với sự sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm – một chế độ tay sai do người Mỹ tạo ra ở miền Nam Việt Nam.

Từ khóa: Hoa Kỳ, ngoại giao, Ngô Đình Diệm, Việt Nam Cộng hòa

Astract

THE UNITED STATES IN FALL OF DIEM'S GOVERNMENT (11-1963)

In 1963, the Buddhist mass demonstrations emerged against Diem's repressive government in the South of Vietnam by Buddhist followers and civil resistance. Besides, the internal crisis of Diem's government reached its peak due to dissatisfaction of high-ranking military officers. Moreover, United States – Vietnam relation had disagreements about political issues in the South of Vietnam. The President of Republic of Vietnam - Ngo Dinh Diem still failed to respond to major government reform proposals from the United States. Under the pressure of international public opinion and U.S. domestic issues, President Kennedy and his staffs decided to make the change to conduct a military coup to overthrow Diem's government on November 1st, 1963. This paper would focus on clarifying the role of the United States in fall of Diem's government - a henchman regime created by U.S. in the South of Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Từ năm 1955, chính quyền Việt Nam Cộng hòa được thành lập do Ngô Đình Diệm làm Tổng thống dưới sự bảo trợ của Hoa Kỳ. Trong giai đoạn 1955-1959, thông qua sự giúp đỡ của Hoa Kỳ, chính quyền Ngô Đình Diệm đã từ chối hiệp thương tổng tuyển cử,

đồng thời tiến hành chiến dịch “tổ cộng, diệt cộng”, đàn áp mạnh mẽ phong trào cách mạng ở miền Nam Việt Nam. Trên tinh thần của Nghị quyết 15 của Bộ Chính trị (1/1959), nhân dân miền Nam đã nổi dậy chống lại chính quyền Ngô Đình Diệm tạo nên cao trào Đồng khởi trong năm 1960, làm lung lay chế độ Việt Nam Cộng hòa. Bên cạnh đó, những mâu thuẫn trong nội bộ chính quyền Sài Gòn cũng bắt đầu trở nên gay gắt bởi sự cầm quyền theo kiểu “gia đình trị” của dòng họ Ngô. Từ năm 1961-1963, quan hệ giữa chính quyền Ngô Đình Diệm và Hoa Kỳ đã bắt đầu có nhiều dấu hiệu rạn nứt bởi những bất đồng về những vấn đề chính trị ở miền Nam Việt Nam. Bước vào năm 1963, phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân chống chính quyền Ngô Đình Diệm dâng cao ở miền Nam Việt Nam. Cuộc khủng hoảng trong nội bộ chính quyền Sài Gòn cũng lên đến đỉnh điểm với sự bất mãn của một bộ phận tướng lĩnh chủ chốt trong quân đội Sài Gòn dẫn đến nguy cơ nổ ra một cuộc đảo chính ngày càng rõ. Lúc này, quan hệ giữa chính quyền Ngô Đình Diệm và Hoa Kỳ cũng bất đồng sâu sắc bởi những khác biệt quan điểm, trong đó chính quyền Sài Gòn không đáp ứng được những đề xuất cải cách từ phía Hoa Kỳ. Trước áp lực của dư luận quốc tế về chính sách đàn áp Phật giáo của chính quyền Sài Gòn, cũng như từ trong nội bộ nước Mỹ, Chính phủ Hoa Kỳ đã quyết định “bật đèn xanh” để một nhóm tướng tá quân đội Sài Gòn tiến hành một cuộc đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm vào ngày 1-11-1963. Thông qua các tư liệu, tài liệu và cách tiếp cận từ phía Mỹ, bài viết tập trung làm rõ vai trò của Hoa Kỳ đối với sự sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm - một chế độ tay sai do người Mỹ tạo ra ở miền Nam Việt Nam.

2. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Việc nghiên cứu về vai trò của Hoa Kỳ đối với sự sụp đổ chế độ Ngô Đình Diệm ở miền Nam Việt Nam năm 1963 vốn được nhiều học giả trong và ngoài nước quan tâm, thể hiện qua nhiều công trình nghiên cứu. Liên quan trực tiếp đến vấn đề này, các học giả như Thomas L. Ahern, Jr. (2000), Philip E. Catton (2002), Seth Jacobs (2006), Edward Miller (2016) đã đi sâu nghiên cứu về chính quyền Việt Nam Cộng hòa thời cầm quyền của Tổng thống Ngô Đình Diệm cùng với sự sụp đổ của chính quyền này, trong đó chú ý nhiều đến vai trò của Tổng thống Ngô Đình Diệm và các thành viên trong gia đình, không đề cập sâu đến vai trò của Hoa Kỳ. Các công trình của William J. Miller (1967), William J. Rust (1985), L. Fletcher Prouty (1992), Thomas L. Ahern, Jr. (2000), Robert Hopkins Miller (2002), Michael O'Brien (2005), John H. Richardson (2005), có đề cập đến vai trò của các nhân vật quan trọng liên quan đến việc sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm, cụ thể là Tổng thống Hoa Kỳ Kennedy, Đại sứ Hoa Kỳ tại miền Nam Việt Nam Henry Cabot Lodge cùng các nhân vật ngoại giao khác. Tuy nhiên, các công trình này chỉ tập trung nói về cuộc đời và sự nghiệp của các nhân vật nói trên nên mức độ đề cập đến sự sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm không sâu. Nhiều công trình khác như Marguerite Higgins (1965), Alan Renouf (1979), Leslie H. Gelb and Richard K. Betts (1979), Paul M. Kattenburg (1980), Pi-tơ A. Pu-lơ (1986)... có đề cập đến sự sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm ở miền Nam Việt Nam như một sự kiện và diễn biến trong tổng quan cuộc chiến tranh Việt Nam nhưng chưa đi sâu làm rõ vai trò của Hoa Kỳ. Ở Việt Nam, cũng có nhiều tác giả đề cập đến sự

sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm, tuy nhiên cũng chỉ là một phần trong các nghiên cứu chung về lịch sử Việt Nam, lịch sử quân sự Việt Nam, các vấn đề nghiên cứu về chiến tranh Việt Nam. Để thực hiện nghiên cứu này, chúng tôi dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (chú trọng vào các nội dung liên quan đến quan hệ quốc tế). Bên cạnh đó, các phương pháp nghiên cứu lịch sử, phương pháp logic và phân kỳ lịch sử được sử dụng để làm rõ bối cảnh hình thành chủ trương cũng như quá trình chuyển biến chính sách của Hoa Kỳ đối với chính quyền Ngô Đình Diệm trong giai đoạn 1961-1963; đồng thời còn kết hợp với phương pháp nghiên cứu liên ngành như: thống kê, phân tích, so sánh... để có thể nhận thức và đánh giá vấn đề nghiên cứu được khoa học và khách quan.

3. Tư liệu và thảo luận

3.1. Bối cảnh miền Nam Việt Nam đầu năm 1963

Mặc dù đồ nhiều tiền của, vũ khí, phương tiện chiến tranh và đội ngũ cố vấn Mỹ vào miền Nam Việt Nam nhưng Hoa Kỳ cũng không thể cứu vãn được sự khủng hoảng của chính quyền Việt Nam Cộng hòa cả bên trong lẫn bên ngoài từ sau phong trào Đồng Khởi năm 1960. Chính sách cai trị “độc tài”, “gia đình trị” của tập đoàn Ngô Đình Diệm đã tạo ra sự mâu thuẫn đối kháng trong lòng dân chúng ở miền Nam Việt Nam. Tháng 2-1963, Thượng nghị sĩ Mike Mansfield, vốn được xem là người ủng hộ rất tích cực cho Ngô Đình Diệm, đã công bố một báo cáo quan trọng về tình hình miền Nam Việt Nam sau khi thực hiện một chuyến đi thăm Sài Gòn vào cuối năm 1962. Mansfield đã phát hiện ra rằng “Nam Việt Nam dường như ít ổn định hơn”, và thực tế “bị đẩy xa hơn, thay vì tiến gần tới mục tiêu về một chính phủ được lòng dân, có trách nhiệm và sẵn sàng đáp ứng” (U.S. Congress, Senate, 1963). Thông qua báo cáo này, Mansfield đã mạnh mẽ chỉ trích chính quyền Ngô Đình Diệm và những nỗ lực của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam (Robert Hopkins Miller, 2002). Trước đó, thất bại trước lực lượng cách mạng ở trận Ấp Bắc (1-1963) cũng khiến uy tín của chính quyền Việt Nam Cộng hòa suy giảm trong con mắt của người Mỹ.

Trong khi đó, Tổng thống Ngô Đình Diệm và Cố vấn Ngô Đình Nhu vẫn tỏ ra lạc quan và phản bác tất cả những cáo buộc về tình hình miền Nam Việt Nam đang xấu đi. Thậm chí vào đầu năm 1963, thông qua sự tư vấn của Cố vấn Ngô Đình Nhu, Tổng thống Ngô Đình Diệm đã chủ trương xem xét về mối quan hệ với Hoa Kỳ, tạo nên sự căng thẳng cho phía Hoa Kỳ. Giữa tháng 4-1963, Cơ quan Tình báo Trung ương Hoa Kỳ (CIA) đã cho rằng những cáo buộc của phủ Tổng thống Việt Nam Cộng hòa về việc Hoa Kỳ xâm phạm chủ quyền của Việt Nam Cộng hòa đã tạo ra sự căng thẳng đáng kể giữa hai chính quyền (U.S. Department of State, 1988). Và trong số những nội dung cần xét lại, nội dung gây tranh cãi nhất chính là việc Cố vấn Ngô Đình Nhu kêu gọi đảo ngược sự gia tăng mạnh mẽ của số lượng cố vấn Mỹ ở miền Nam Việt Nam, khi ông này đề nghị phía Hoa Kỳ giảm số lượng cố vấn Mỹ xuống còn khoảng 4.000 người trong thời gian tới.

Đến giữa năm 1963, phong trào đấu tranh của Phật giáo vốn âm ỷ từ trước, đã bùng nổ dữ dội ở miền Nam Việt Nam nổ, thu hút được sự quan tâm của dư luận quốc tế. Sự kiện Phật giáo thông qua các phương tiện truyền thông phương Tây đã tác động mạnh đến

nước Mỹ. Người Mỹ vô cùng phẫn nộ trước hình ảnh hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để chống lại chế độ độc tài của chính quyền Ngô Đình Diệm. Những hành động đàn áp mạnh mẽ cuộc đấu tranh của Phật tử cùng các tầng lớp dân chúng ở miền Nam Việt Nam càng làm cho làn sóng phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm tăng cao trong dư luận Mỹ và quốc tế. Trước tình hình lúc bấy giờ, Chính phủ Hoa Kỳ phải đứng trước ba sự lựa chọn: một là, chấp nhận thua, để chế độ Ngô Đình Diệm tự sụp đổ; hai là, cố giữ hòa, trung lập hóa miền Nam và sự lựa chọn thứ ba là phải giành “chiến thắng”. Tổng thống Kennedy lúc bấy giờ đã lựa chọn phương án thứ ba, đẩy mạnh can thiệp vũ trang, nhằm đánh bại phong trào chiến tranh du kích đang phát triển ở miền Nam Việt Nam (Paul M. Kattenburg, 1980). Tuy nhiên, những ý đồ của Hoa Kỳ có nguy cơ thất bại sau trận Ấp Bắc đầu năm 1963, trong đó thể hiện rõ sự yếu kém quân đội Sài Gòn mặc dù có sự hỗ trợ của hỏa lực mạnh từ Hoa Kỳ.

3.2. Những nhân tố tác động đến chính sách của Chính phủ Hoa Kỳ đối với chính quyền Ngô Đình Diệm đầu năm 1963

Thực tế cho thấy, nhiều thành viên trong Chính phủ của Hoa Kỳ cũng mang tâm lý nghi ngại và có quan điểm muốn loại bỏ Ngô Đình Diệm. Đầu năm 1963, trước cuộc khủng hoảng chính trị triền miên tại miền Nam Việt Nam mà đỉnh cao là vụ tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức, Hoa Kỳ đã đứng trước quyết định khó khăn về việc giải quyết vấn đề Ngô Đình Diệm (Robert J. Topmiller, 2006). Trước những diễn biến phức tạp của tình hình miền Nam Việt Nam, ngày 1-8-1963, Chính phủ Hoa Kỳ đã cử Henry Cabot Lodge thay thế Nolting làm Đại sứ tại miền Nam Việt Nam. Chỉ sang miền Nam Việt Nam một thời gian ngắn, Cabot Lodge đã nhận thấy sự chống đối mạnh mẽ của người dân miền Nam - đặc biệt là của giới tu sĩ Phật giáo và tín đồ Phật tử với chế độ Diệm - Nhu. Lúc này, nội bộ Chính phủ Hoa Kỳ cũng chia thành hai nhóm. Nhóm chủ trương loại bỏ Diệm có Cố vấn an ninh quốc gia George Bundy, Trợ lý Ngoại trưởng Hoa Kỳ Roger Hilsman (Jr), Thứ trưởng Ngoại giao Averell Harriman...; nhóm vẫn tiếp tục ủng hộ Diệm có Bộ trưởng Quốc phòng McNamara, cố vấn quân sự cho Tổng thống Maxwell Taylor,... Ngay ở Sài Gòn cũng có hai nhóm: Đại sứ Cabot Lodge muốn loại Diệm, trong khi tướng Paul Harkins muốn tìm cách thuyết phục Diệm cách chức Nhu và tách Nhu ra khỏi Diệm. Cho đến tháng 8-1963, Bộ trưởng Quốc phòng McNamara và tướng Maxwell Taylor vẫn ủng hộ biện pháp hòa giải và theo dõi các hoạt động của Diệm trong hai đến bốn tháng trước khi có hành động mạnh mẽ thì Đại sứ Cabot Lodge lại bí mật ủng hộ kế hoạch đảo chính của đội ngũ tướng lĩnh Sài Gòn (Lưu Văn Lợi, 2004). Sau khi cuộc đảo chính nổ ra và anh em Diệm - Nhu bị sát hại (2-11-1963), Cabot Lodge báo cáo rằng cuộc đảo chính mang ý nghĩa “chiến tranh có thể được rút ngắn đi nhiều” (Robert S. Mc Mamara, 1995).

Trong việc sự sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm có vai trò vô cùng quan trọng của Cơ quan Tình báo Trung ương Hoa Kỳ (CIA). Các tập tài liệu của CIA được giải mã đã cho thấy sự liên hệ mật thiết giữa CIA và chính quyền miền Nam Việt Nam, đặc biệt là các tướng lĩnh quân đội Sài Gòn có thái độ chống Diệm. Có thể thấy, mối quan hệ giữa CIA và các tướng lĩnh Sài Gòn thay đổi theo thời gian, phụ thuộc vào lãnh đạo cơ quan CIA, đại sứ Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam, và những nhà cầm quyền Việt Nam Cộng

hòa. Thực tế, các chuyên gia của CIA đã dự báo chính quyền Ngô Đình Diệm sẽ gặp nhiều khó khăn trước khi phong trào Cộng sản ở miền Nam Việt Nam bắt đầu vào tháng 10-1958, và những chính sách cai trị của của Tổng thống Diệm đã bắt đầu không hợp lòng dân (Thomas L. Ahern, Jr., 2000). Như vậy, thái độ cũng như các chính sách của Tổng thống Ngô Đình Diệm đối với Hoa Kỳ cũng đã chi phối các đánh giá và đề xuất chính sách của CIA đối với ông. Suốt thời gian Diệm nắm quyền ở miền Nam Việt Nam, các chuyên gia CIA tại Sài Gòn, một nhân tố quan trọng trong tất cả các phong trào bình định đã tuyên bố: “Các quan chức Việt Nam là trở ngại thật sự cho thành công” (Thomas L. Ahern, Jr., 2001).

Bên cạnh đó, phản ứng của dư luận Hoa Kỳ cũng góp phần chi phối những quyết định của Chính phủ Hoa Kỳ đối với chính quyền Ngô Đình Diệm và cũng được xem là một yếu tố quan trọng dẫn đến sự sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm (Zi Jun Toong, 2008). Thông qua những diễn biến ở miền Nam Việt Nam đầu năm 1963, các cơ quan truyền thông Hoa Kỳ cùng những nhóm lợi ích không ủng hộ Diệm đã “định hướng dư luận” về việc thay thế người lãnh đạo chính quyền miền Nam Việt Nam. Trước sự phát triển của phong trào Phật giáo, bà Trần Lệ Xuân đã có những phản ứng nóng vội khi lên tiếng thóa mạ, mật sát cuộc tự thiêu của hòa thượng Thích Quảng Đức. Bà Ngô Đình Nhu đã từng gọi các vị đại đức, thượng tọa là “sư hổ mang”, “bọn trọc đầu” và có những phát biểu thiếu cân nhắc như: “Tôi sẽ vỗ tay khi thấy một vụ nướng sư khác” (Michael O’Brien, 2005). Quan chức ngoại giao Hoa Kỳ có mặt ở Sài Gòn cảnh báo: “Tuyên bố [của bà Nhu] sẽ phá vỡ sự ủng hộ của công chúng và Quốc hội Hoa Kỳ dành cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Chính quyền Việt Nam Cộng hòa không thể mong đợi Chính phủ Hoa Kỳ tiếp tục viện trợ và hỗ trợ chi phí đắt đỏ về nhân lực và vật lực trừ khi chính sách này [được] người dân Hoa Kỳ hoàn toàn ủng hộ” (U.S. Department of State, 1991a).

Dư luận Mỹ đã công khai phản đối chính sách đàn áp tôn giáo của Diệm và khiến uy tín của Diệm sụt giảm nghiêm trọng. Nhà sử học Seth Jacobs khẳng định Thích Quảng Đức đã “đốt cuộc thử nghiệm Diệm của Mỹ ra tro” và “không có lời bào chữa nào có thể gỡ gạc lại được danh tiếng của Diệm” một khi những bức ảnh của Browne đã hằn vào tâm trí của công chúng thế giới (Seth Jacobs, 2006). Ngay cả Marguerite Higgins, một trong số ít những người ủng hộ chính quyền của Tổng thống Diệm trong báo giới Sài Gòn cũng buộc phải ghi nhận sai lầm của Diệm: “Tổng thống Ngô Đình Diệm đang làm gì mà khiến các Phật tử này phải chọn một cái chết khủng khiếp là tự thiêu như vậy?... Thực tế rằng [câu hỏi này] quy trước tội lỗi cho Diệm cũng không khiến tôi băn khoăn chút nào...” (Marguerite Higgins, 1965).

3.3. Hoa Kỳ hậu thuẫn cho cuộc đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm

Sau sự kiện ngày 11-6-1963, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đã chỉ thị cho Phó đại sứ William C. Truehart yêu cầu Ngô Đình Diệm phải công khai thỏa mãn hoàn toàn các nguyện vọng của Phật giáo bằng không Hoa Kỳ sẽ tuyên bố không nhắm mắt làm ngơ nếu Diệm thiếu thiện chí. Đến ngày 12-6-1963, Phó đại sứ Truehart đã báo cho Tổng thống Ngô Đình Diệm biết Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đã mạnh mẽ khuyến cáo Diệm phải giải quyết vấn đề Phật giáo theo hướng hòa giải, đồng thời cảnh báo Diệm không nên để cuộc khủng

hoảng đi quá xa, có thể sẽ khiến quan hệ giữa Diệm và Hoa Kỳ xấu đi (Neil Sheehan, 1971) (Leslie H. Gelb and Richard K. Betts, 1979). Tuy nhiên, Tổng thống Diệm đã không đáp ứng yêu cầu của Hoa Kỳ. Ngày 25-6-1963, Giám đốc CIA John Richardson đã tiếp cận Ngô Đình Nhu và đích thân thuyết phục Nhu nên hòa hoãn với phía Phật giáo (John H. Richardson, 2005). Trái với thiện ý của Richardson, Nhu trả lời thẳng thừng rằng các cuộc biểu tình của Phật giáo là phi pháp và hăm dọa trầm trọng đối với chế độ. Và một chế độ không biết thi hành luật pháp thì chế độ đó phải đổ. Rõ ràng, Nhu đã gián tiếp cho Hoa Kỳ biết rằng ngay cả khi Tổng thống Ngô Đình Diệm nhượng bộ thì Cố vấn Ngô Đình Nhu cũng sẽ không để yên William J. Rust, 1985).

Trong lúc tình hình miền Nam Việt Nam đang căng thẳng, ngày 24-8-1963, Roger Hilsman, Vụ trưởng Viễn Đông của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đã gửi bức Điện tín số 243 cho Đại sứ Henry Cabot Lodge, trong đó nói rõ: “Hiện chưa rõ quân đội đề nghị thiết quân luật hay ông Nhu lừa họ làm vậy, ông Nhu đã lợi dụng việc này để đập phá chùa chiền với Cảnh sát và Lực lượng Đặc nhiệm của Tung [chỉ Lê Quang Tung] vốn trung thành với ông ta và qua đó đổ tội cho quân đội trong con mắt của thế giới và người dân Việt Nam”, và “Chính quyền [Hoa Kỳ] không thể chấp nhận để quyền lực trong tay Nhu. Cần cho ông Diệm cơ hội để rũ bỏ Nhu và vây cánh để thay thế bằng những nhân vật chính trị và quân sự tốt nhất có thể. Nếu, bất chấp mọi nỗ lực của ông [Đại sứ Cabot Lodge], Diệm vẫn ngoan cố và từ chối, chúng ta phải tính tới khả năng không giữ chính ông Diệm nữa” (The Pentagon Papers, 1971).

Trên thực tế, bức Điện tín 243 được đưa ra vào một ngày thứ Bảy khi Tổng thống Kennedy, Phó tổng thống Johnson, Ngoại trưởng Dean Rusk, Bộ trưởng Quốc phòng Robert McNamara đều đi vắng. Tuy nhiên, bức Điện tín này lại có ý nghĩa quan trọng, làm thay đổi cơ bản chính sách của Hoa Kỳ đối với chính quyền miền Nam Việt Nam. Sau khi được thông báo về nội dung của bức Điện tín 243, Tổng thống Kennedy rất không hài lòng về những lời lẽ trong đó, thậm chí có thể sẽ dẫn đến những cuộc khủng hoảng lớn hơn ở miền Nam Việt Nam. Mặc dù vậy, Tổng thống Kennedy và các nhân vật trọng yếu khác trong chính quyền Hoa Kỳ vẫn giữ thái độ “tùy cơ ứng biến” với tình hình ở miền Nam Việt Nam thông qua các cuộc họp liên tục sau khi Điện tín 243 được gửi đi.

Sau nhiều cuộc họp căng thẳng với nhiều tranh cãi, Tổng thống Kennedy quyết định cử Maxwell Taylor và McNamara sang miền Nam Việt Nam. Ngày 24-9-1963, phái đoàn Taylor - McNamara đến Sài Gòn và hội đàm với Tổng thống Ngô Đình Diệm (U.S. Department of State, 1991b). Tuy nhiên, cho đến khi trở về Mỹ ngày 1-10-1963, phái đoàn Taylor - McNamara vẫn không thể tìm thấy được tiếng nói chung với Tổng thống Ngô Đình Diệm. Mặc dù vậy, trong báo cáo gửi Tổng thống Kennedy, Taylor và McNamara vẫn cho rằng Chính phủ Hoa Kỳ nên tiếp tục ủng hộ chính quyền Ngô Đình Diệm, và dường như lại đúng như Kennedy mong muốn khi đề nghị Chính phủ Hoa Kỳ rút bớt cố vấn Mỹ khỏi miền Nam Việt Nam (L. Fletcher Prouty, 1992). Tuy nhiên, điều này lại không làm hài lòng phe đòi thay thế Ngô Đình Diệm trong nội bộ chính quyền Kennedy. Trong bối cảnh đang căng thẳng này, nhiều nguồn tin cho thấy chính quyền Ngô Đình Diệm, mà trong đó chủ yếu là ông Cố vấn Ngô Đình Nhu đang tìm cách đàm phán

với phía lực lượng Cộng sản, thông qua đó dần xếp để nói chuyện với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Edward Miller, 2016) (Nguyễn Tiến Hưng - Jerrold L. Schecter, 2003). Đầu tháng 10-1963, Tổng thống Kennedy quyết định cắt giảm gói viện trợ quân sự và kinh tế cho chính quyền Ngô Đình Diệm (Alan Renouf, 1979) và được giới tướng lĩnh quân đội Sài Gòn chống Diệm xem là tín hiệu ủng hộ. Trong thời gian này, Hoa Kỳ vẫn duy trì liên lạc bí mật với các tướng lĩnh trong suốt quá trình lập kế hoạch và tiến hành cuộc đảo chính lật đổ Diệm (The Pentagon Papers, 1971). Ở Sài Gòn, quan hệ giữa anh em Diệm - Nhu với Đại sứ Cabot Lodge rất xấu, hai bên không tiếp xúc trong gần cả tháng 10-1963.

Trong lúc lực lượng đảo chính đang tích cực chuẩn bị hành động, ngày 27-10-1963, Đại sứ Cabot Lodge theo lời mời của Phủ tổng thống Việt Nam Cộng hòa đã gặp gỡ và trao đổi với Tổng thống Ngô Đình Diệm tại Đà Lạt về những vấn đề cải cách trong nội bộ chính quyền Việt Nam Cộng hòa nhưng những gì ông nhận lại chỉ là sự vòng vo và im lặng từ phía Tổng thống Diệm. Trong báo cáo cho Nhà Trắng, Đại sứ Cabot Lodge đã kết thúc báo cáo rằng: “Diệm có thể coi như là hết thuốc chữa” (William J. Miller, 1967). Như vậy, những tín hiệu phát đi lần cuối cùng của Hoa Kỳ cho phía Tổng thống Ngô Đình Diệm đã không được hồi đáp. Tổng thống Kennedy dần dần cảm thấy rằng không còn lựa chọn nào khác trong những cố gắng mang lại thành công cho cuộc chiến chống Cộng sản ở miền Nam Việt Nam. Những nỗ lực dồn dập từ phía Chính phủ Hoa Kỳ đòi hỏi chính quyền Ngô Đình Diệm cải cách đã không có kết quả bởi thái độ cứng rắn của chính Tổng thống Ngô Đình Diệm và một phần nào từ ông Cố vấn Ngô Đình Nhu. Các tài liệu giải mật gần đây từ phía Hoa Kỳ đã cho Tổng thống Kennedy đồng ý với đề xuất phải “thay thế” lãnh đạo Việt Nam Cộng hòa Ngô Đình Diệm.

Sáng ngày 1-11-1963, Đại sứ Cabot Lodge gặp lại Tổng thống Ngô Đình Diệm ở Dinh Gia Long. Trong cuộc nói chuyện này, Tổng thống Diệm đã tỏ ra mềm mỏng và có thái độ hòa giải hơn. Kết thúc cuộc nói chuyện, Tổng thống Ngô Đình Diệm đã nhờ Đại sứ Cabot Lodge gửi đến cho Tổng thống Kennedy một lời kêu gọi: “Xin hãy nói với Tổng thống Kennedy rằng tôi là một đồng minh tốt và ngay thẳng, rằng tôi thà thẳng thắn và giải quyết các vấn đề ngay bây giờ còn hơn là nói về chúng sau khi chúng ta mất tất cả.... Hãy nói với Tổng thống Kennedy rằng tôi coi trọng tất cả những gợi ý của ông và mong muốn thực thi chúng, nhưng vấn đề là thời gian” (The Pentagon Papers, 1971). Có thể thấy, những động thái cho thấy sự thay đổi tích cực trong cách tiếp cận với Hoa Kỳ của người đứng đầu chính quyền Việt Nam Cộng hòa dường như đã quá muộn màng. Ngay trong ngày 1-11-1963, cuộc đảo chính của một nhóm tướng lĩnh quân đội Việt Nam Cộng hòa do tướng Dương Văn Minh cầm đầu đã nổ ra. Ngày 2-11-1963, Ngô Đình Diệm và em trai Ngô Đình Nhu bị lực lượng đảo chính sát hại, qua đó chính thức kết thúc nền Đệ nhất Việt Nam Cộng hòa (1955-1963).

4. Kết luận

Bối cảnh miền Nam Việt Nam năm 1963 hết sức phức tạp bởi phong trào đấu tranh của Phật giáo cùng nhiều tầng lớp nhân dân chống lại sự cai trị “độc tài”, “gia đình trị”

của chính quyền Ngô Đình Diệm. Bên cạnh đó, một bộ phận tướng lĩnh quân đội Sài Gòn bất mãn sự cầm quyền của anh em Diệm - Nhu đã liên kết với nhau với mục đích tiến hành một cuộc đảo chính lật đổ sự cầm quyền của Tổng thống Ngô Đình Diệm. Tuy nhiên, nhân vật quan trọng nhất có tính chất quyết định đến cục diện chính trị ở miền Nam Việt Nam, mà trực tiếp là sự tồn tại của chính quyền Ngô Đình Diệm thời điểm này là Hoa Kỳ. Bản thân nội bộ của Chính phủ Hoa Kỳ cũng bị chia rẽ bởi chính sách đối với chính quyền Ngô Đình Diệm. Đã có một số nỗ lực từ phía Hoa Kỳ nhằm cứu vãn tình hình của miền Nam Việt Nam, tuy nhiên Tổng thống Ngô Đình Diệm vẫn không đáp ứng được những đề xuất cải cách từ phía Hoa Kỳ. Trước thực tế đó, Tổng thống Kennedy và các quan chức dưới quyền đã phát đi những tín hiệu mà giới tướng lĩnh ở Sài Gòn xem như được bật đèn xanh để họ tiến hành đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm vào ngày 1-11-1963. Mặc dù có nhiều quan điểm cho rằng việc Tổng thống Kennedy bật đèn xanh cho cuộc đảo chính lật đổ Tổng thống Ngô Đình Diệm là một sai lầm ngoại giao nghiêm trọng, mở màn cho một cuộc sa lầy nghiêm trọng của người Mỹ. Nhiều nghiên cứu cho rằng việc lật đổ chính quyền của Ngô Đình Diệm đã củng cố cam kết của Hoa Kỳ với Nam Việt Nam, bởi “tình trạng lộn xộn về chính trị [kết quả của việc lật đổ Diệm] đã phá hoại nỗ lực chiến tranh, vì thế dọn đường cho quá trình Mỹ hóa cuộc xung đột đầy rủi ro” (Philip E. Catton, 2002) (Seth Jacobs, 2006), cùng với vụ ám sát Kennedy sau đó, đã làm cuộc Chiến tranh Việt Nam kéo dài và trở thành “một cuộc chiến tranh làm mất lòng và gây chia rẽ nhất trong một thế kỷ của lịch sử nước Mỹ” (Pi-tơ A. Pu-lơ, 1986). Dù tiếp cận từ góc độ nào, cần phải khẳng định rằng, Hoa Kỳ có vai trò quan trọng trong sự sụp đổ của chính quyền đệ nhất Việt Nam Cộng hòa do Tổng thống Ngô Đình Diệm đứng đầu.

(Nghiên cứu này được tài trợ bởi Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ đề tài C2017-18b-04)

Tài liệu tham khảo

- Alan Renouf (1979). *The Frightened Country*. Macmillan. Melbourne.
- Edward Miller (2016). *Liên minh sai lầm: Ngô Đình Diệm, Mỹ và số phận Nam Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia.
- John H. Richardson (2005). *My Father the Spy: An Investigative Memoir*. HarperCollins. New York.
- Leslie H. Gelb and Richard K. Betts (1979). *The Irony of Vietnam: The System Worked*. The Brookings Institution. Washington D.C.
- L. Fletcher Prouty (1992). *JFK: The CIA, Vietnam, and the Plot to Assassinate John F. Kennedy*. Carol Publishing Group. New York.
- Lưu Văn Lợi (2004). *Ngoại giao Việt Nam (1945-1995)*. NXB Công an Nhân dân.
- Marguerite Higgins (1965). *Our Vietnam Nightmare*. Harper & Row. New York.
- Michael O'Brien (2005). *John F. Kennedy: A Biography*. St. Martin's Press. New York.
- Nguyễn Tiến Hưng - Jerrold L. Schecter (2003). *Hồ sơ mật Dinh Độc Lập*. NXB Công an Nhân dân.
- Paul M. Kattenburg (1980). *The Vietnam Trauma in American Foreign Policy 1945-75*. Transaction Books Inc. New York.
- Philip E. Catton (2002). *Diem's Final Failure: Prelude to America's War in Vietnam*. University Press of Kansas. Lawrence.

- Pi-tơ A. Pu-lơ (1986). *Nước Mỹ và Đông Dương từ Ru-dơ-ven đến Ních-xon*, NXB Thông tin Lý luận.
- Robert J. Topmiller (2006). *The Lotus Unleashed: The Buddhist Peace Movement in South Vietnam 1964-1966*. University of Kentucky Press. Lexington.
- Robert Hopkins Miller (2002). *Vietnam and Beyond, A Diplomat's Cold War Education*. Texas Tech University Press. Lubbock.
- Robert S. Mc Mamara (1995). *Nhìn lại quá khứ: Tán thám kịch và những bài học về Việt Nam*. Bản dịch của Hồ Chính Hạnh - Huy Bình - Thu Thủy - Minh Nga. NXB Chính trị quốc gia.
- Seth Jacobs (2006). *Cold War Mandarin: Ngo Dinh Diem and the Origins of America's War in Vietnam 1950 -1963*. Rowman & Littlefield Publishers. New York.
- Sheehan, Neil, et al. (1971). *The Pentagon Papers: As Published by the New York Times*. Based on Investigative Reporting by Neil Sheehan. Bantam. New York.
- The Pentagon Papers* (1971). Gravel Edition, Vol.II. Beacon Press, Boston.
- Thomas L. Ahern, Jr. (2001). *CIA and Rural Pacification in South Vietnam*. Center for the Study of Intelligence.
- Thomas L. Ahern, Jr. (2000). *CIA and the House of Ngo: Covert Action in South Vietnam 1954-1963*. Center for the Study of Intelligence.
- U.S. Department of State (1988). *Foreign Relations of the United States 1961-1963*. Vol. I: Vietnam, Government Office Printing. Washington D.C.
- U.S. Department of State (1991a). *Foreign Relations of the United States 1961-1963*. Vol. III: Vietnam January-August 1963. Government Printing Office. Washington D.C.
- U.S. Department of State (1991b). *Foreign Relations of the United States 1961-1963*. Vol. IV: Vietnam August-December 1963. Government Printing Office. Washington D.C.
- U.S. Congress, Senate (1963). *Vietnam and Southeast Asia: Report of Senator Mike Mansfield et al. to the Committee on Foreign Relations, United States Senate, 88th Cong. 1st Session*. Government Office Printing. Washington D.C.
- William J. Miller (1967). *Henry Cabot Lodge: A Biography*. James H Heineman. New York.
- William J. Rust (1985). *Kennedy in Vietnam: American Vietnam Policy 1960-1963*. Da Capo Press. New York.
- Zi Jun Toong (2008). "Overthrown by the Press: The US Media's Role in the Fall of Diem". *Australian Journal of American Studies*. Vol. 27(1), 56-72.